

Bản án số: 78/2018/HS-ST  
Ngày 26- 11- 2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Duy Thạch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Thúy

Ông Đỗ Văn Thư

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thùy Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2018/TLST- HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị M1; có vợ Lê Thị T và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 67/2016/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tại bản án số 18/2018/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị tạm giam từ ngày 28 tháng 4 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

2. Trần Văn Được H, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 26 tháng 02 năm 2018, tạm giam ngày 07 tháng 3 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

3. Lưu Văn T1, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Xóm B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn H2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 27 tháng 02 năm 2018, tạm giam ngày 07 tháng 3 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Đức T3, tại Hải Dương. Nơi cư trú: Xóm 1, thôn T, xã P, huyện Th, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T4 và bà Hoàng Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 122/2016/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị tạm giữ ngày 01 tháng 3 năm 2018, tạm giam ngày 07 tháng 3 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

5. Bùi Đức T4, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức C và bà Trần Thị M2; vợ: Đỗ Thị V và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 76/2016/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách kể từ ngày tuyên án về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; bị cáo bị tạm giữ ngày 26 tháng 02 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07 tháng 3 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: Anh Chu Văn D; ĐKTT: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Thôn L, xã L2, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên toà và phần tranh tụng, vắng mặt khi tuyên án.

- *Người có quyền lợi liên quan*: Anh Hoàng Việt Đ; địa chỉ: Số 76 Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn Q mang theo 01 bình xịt hơi cay (giấu trong túi áo khoác) điều khiển xe moto Honda nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 16M8 - 3499 chở Nguyễn Đức T3 đến quán Nét ở khu vực công trường tiểu học xã H gặp và rủ Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 đi tìm người có sơ hở thì trộm cắp xe moto. Q phân công T1 chở T2 bằng xe Airblade đi canh giới và nếu bị phát hiện sẽ cản đường cho H, Q chạy thoát; H chở Q bằng xe moto Yamaha nhãn hiệu Exiter (không rõ biển kiểm soát) của H, Q sẽ là người trực tiếp trộm cắp xe moto; tất cả các bị cáo đều đồng ý sẽ đi trộm cắp xe theo ý kiến của Q đưa ra. Trước khi đi, Q hỏi H "Có đồ không?", H hiểu ý của Q nên đã về nhà lấy 01 cây giáo bằng kim loại dài khoảng 01m để trên võng xe. Sau đó bốn bị cáo đi lòng vòng nhiều tuyến đường thuộc địa bàn huyện A nhưng

không thấy ai có sơ hở. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, cả bốn bị cáo tập trung tại khu vực nghĩa trang xã L, Q bảo không đi trộm cắp nữa, nếu phát hiện ai điều khiển xe moto đi một mình sẽ cướp xe. Sau khi được các bị cáo H, T1 và T3 đồng ý, Q đưa điện thoại của Q cho T1 cầm rồi Q, H bảo T1, T3 đi trước nếu phát hiện ai có thể cướp được thì gọi điện báo cho H, Q. Sau đó T1 chờ T3 đi lòng vòng khoảng 30 phút nhưng không phát hiện được ai nên H và Q gọi điện cho T1, T3 quay lại rồi cả bốn đi theo đường 208 về hướng khu công nghiệp T. Đến khoảng 00 giờ ngày 03 tháng 11 năm 2017, khi đi đến đoạn đường gần lối rẽ lên Quốc lộ 10, cách chân cầu R khoảng 50m thuộc địa bàn thôn T, xã L, huyện A thì phát hiện ở chiều đường ngược lại có anh Chu Văn D đang ngồi trên xe moto Honda nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 17B3 -06583 đỗ ven đường (đầu xe hướng về thị trấn A, đuôi xe quay về hướng khu công nghiệp T) để sử dụng điện thoại. Các bị cáo đi qua vị trí anh D đỗ xe thì dừng lại, cả bốn thống nhất sẽ cướp xe của anh D. Q bảo T1, T3 đứng canh giới, nếu bị truy đuổi thì cản đường cho Q, H tẩu thoát. H đưa cây giáo cho Q rồi chờ Q quay lại, Q một tay cầm giáo, một tay cầm bình xịt hơi cay. Khi đến sát anh D, Q nhảy xuống xe dùng bình xịt hơi cay xịt thẳng vào mặt anh D, dùng giáo vụt vào người anh D. Thấy vậy anh D đưa balo đang đeo phía sau lên chống đỡ làm xe moto đổ ra đường, sau đó anh D bỏ chạy về hướng thị trấn A. Q đuổi theo anh D một đoạn rồi quay lại dựng xe moto của anh D lên và nổ máy đi về hướng thị trấn A. H, T1, T3 thấy Q cướp được xe nên cũng điều khiển xe đi theo Q. Cả bốn tập trung gặp nhau ở cổng Th (thuộc thôn Đ, xã H, huyện A). Tại đây, H tháo biển kiểm soát của xe vừa cướp được vắt xuống sông. Bình xịt hơi cay và cây giáo, Q và T1 cũng vứt xuống sông. Sau đó cả bốn giải tán, Q điều khiển xe vừa cướp được sang khu vực huyện A1 và vào ngủ nhờ nhà của một người phụ nữ cao tuổi (không rõ lai lịch, địa chỉ). Đến chiều tối ngày 03 tháng 11 năm 2017, do có quan hệ từ trước nên Q đã gọi điện cho Bùi Đức T4 nói "Em có con xe Airblade nhờ đây hộ với giá 08 triệu đồng". T4 không hỏi lại nguồn gốc chiếc xe nhưng hiểu là xe do Q phạm tội mà có và liên hệ với Hoàng Văn M3 (địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng) để tìm người mua xe. Khoảng 23 giờ ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại khu vực gần Trạm y tế xã Đ, Q, H, T4 và M3 gặp nhau để bán chiếc xe cướp được cho anh Hoàng Việt Đ (là người được M3 giới thiệu đến mua xe của Q). Anh Đ đã trả cho M3 9.000.000đ, M3 đã đưa lại cho Q 8.000.000đ còn giữ lại 1.000.000đ. Q đưa lại cho H 3.500.000đ và giữ lại 4.500.000đ; số tiền có được Q, H đã chi tiêu hết cho bản thân. Q, H thống nhất nếu T1, T3 có hỏi về chiếc xe thì nói trên đường đi đã bị Công an giữ nên T1, T3 không được ăn chia tiền bán xe.

Sau khi bị cướp xe, ngày 03 tháng 11 năm 2017, anh Chu Văn D đã có đơn trình báo Đồn công an khu công nghiệp T về việc bị cướp xe.

Ngày 24 tháng 02 năm 2018, anh Hoàng Việt Đ đến Công an thành phố Hải Phòng giao nộp lại chiếc xe trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận L đã kết luận: Xe moto nhãn hiệu Honda loại Airblade màu đỏ, trắng, đen nêu trên có trị giá 31.000.000đ.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, Trần Văn Được H và Bùi Đức T4 đã ra đầu thú; ngày 27 tháng 02 năm 2018, Lưu Văn T1 ra đầu thú và ngày 01 tháng 3 năm 2018, Nguyễn Đức T3 cũng ra đầu thú.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội "Cướp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyết định chuyển vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện A để điều tra theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 khai đã có hành vi cướp tài sản là chiếc xe moto Honda nhãn hiệu Airblade của anh Chu Văn D như nội dung đã nêu ở trên. Sau khi cướp được xe, Nguyễn Văn Q đã nhờ Bùi Đức T4 tìm người mua xe; sau đó thông qua Hoàng Văn M3, Q đã bán chiếc xe trên cho anh Hoàng Việt Đ với giá 8.000.000đ. Số tiền có được từ việc bán xe, Q chia cho H 3.500.000đ, Q giữ lại 4.500.000đ; cả hai chi tiêu cho bản thân hết, T1 và T3 không được chia số tiền có được do bán xe. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Văn Q không thừa nhận là người đã khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản và cướp tài sản.

Bị cáo Bùi Đức T4 khai: Không có hứa hẹn từ trước và mặc dù biết xe Nguyễn Văn Q có được là do phạm tội mà có nhưng sau khi được Q nhờ, bị cáo vẫn liên hệ với Hoàng Văn M3 tìm người mua xe. Sau đó Q đã bán chiếc xe trên cho anh Hoàng Việt Đ được 8.000.000đ, bị cáo không được hưởng lợi từ việc trên.

Bị hại khai có nội dung như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại chiếc xe bị cướp và không có yêu cầu gì khác.

Công bố lời khai người có quyền lợi liên quan khai đã có hành vi mua chiếc xe trên của Nguyễn Văn Q với giá 9.000.000đ, được Hoàng Văn M3 hứa sẽ đưa giấy tờ xe sau. Mặc dù đã hỏi nhiều lần nhưng M3 không đưa được giấy tờ xe, nghi ngờ xe không hợp pháp nên đã tự nguyện mang xe đến cơ quan công an giao nộp. Đối với số tiền đã trả cho Q, người có quyền lợi liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Bùi Đức T4 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, phân hóa vai trò của các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 09 đến 10 năm tù về tội: “ Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, tổng hợp với hình phạt 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 18/2018/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đức T3) xử phạt bị cáo Trần Văn Được H từ 08 đến 09 năm tù, xử phạt Nguyễn Đức T3 từ 08 đến 09 năm tù, xử phạt Lưu Văn T1 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, đều về tội: “ Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Đức T4 từ 18 đến 24 tháng tù về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, tổng hợp với hình phạt 12 tháng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại bản án số 76/2016/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện A buộc bị cáo Bùi Đức T4 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 30 đến 36 tháng tù.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp lại khoản thu lợi bất chính 4.500.000đ, buộc bị cáo Trần Văn Được H phải nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính 3.500.000đ.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai bị hại và người có quyền lợi liên quan, phù hợp với Bản kết luận định giá tài sản số 11 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 đã có hành vi dùng vũ lực tấn công anh Chu Văn D làm bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt chiếc xe moto Honda nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 17B3-06583 trị giá 31.000.000đ trên đường 208 thuộc địa bàn thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào khoảng 00 giờ ngày 03 tháng 11 năm 2017. Bị cáo Bùi Đức T4 có hành vi không có hứa hẹn từ trước và biết chiếc xe do Q phạm tội mà có nhưng vẫn tìm người mua xe để tiêu thụ xe giúp Q vào ngày 03 tháng 11 năm 2017.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo hộ, gây nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 đã phạm vào tội: "Cướp tài sản", tội phạm được quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi của bị cáo Bùi Đức T4 đã xâm phạm đến trật tự xã hội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm được quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[4] Đối với tội "Cướp tài sản": Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo sử dụng bình xịt hơi cay, giáo để tấn công bị hại. Theo quy định của pháp luật thì bình xịt hơi cay, giáo là "phương tiện nguy hiểm". Do vậy, hành vi của các bị

cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Đối với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có": Bị cáo Bùi Đức T4 mặc dù không được hưởng lợi nhưng vẫn giúp Nguyễn Văn Q tiêu thụ tài sản có giá trị 31.000.000đ nên hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì “Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Nhưng tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự) có hiệu lực thi hành từ 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 thì “Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Như vậy, so với quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự đã quy định một hình phạt nặng hơn. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Bùi Đức T4 theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[6] Tại khoản 4 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười tám năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình”. Nhưng tại khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân”. Như vậy, so với quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Điều 168 Bộ luật Hình sự đã quy định một hình phạt nhẹ hơn. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có cơ sở và đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý lo ngại trong nhân dân. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[8] Các bị cáo Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đức T3 và Bùi Đức T4 đều có một tiền án chưa được xóa án; bị cáo Nguyễn Văn Q có hành vi trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 23 tháng 11 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 18 tháng tù, tiền án này không là căn cứ để tính "Tái phạm" hay "Tái phạm nguy hiểm" đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Do vậy các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đức T3 và Bùi Đức T4 đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q không khai nhận bị cáo là người đã khởi xướng việc đi trộm cắp và cướp tài sản nhưng bị cáo đã thành khẩn khai báo về diễn biến của hành vi. Xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Sau khi phạm tội, các bị cáo Bùi Đức T4, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3 đã ra đầu thú nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về phân hóa vai trò đối với tội "Cướp tài sản":

[12] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q: Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn Q không khai nhận nhưng căn cứ lời khai các bị cáo Trần Văn Được H, Lưu Văn T1, Nguyễn Đức T3 có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Nguyễn Văn Q là người đã khởi xướng việc đi trộm cắp và cướp tài sản. Như vậy bị cáo Nguyễn Văn Q là người có vai trò xuyên suốt trong toàn bộ vụ án, là khởi xướng, cầm đầu, là người chuẩn bị công cụ, phương tiện, là người trực tiếp thực hiện việc tấn công bị hại và trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại, là người cất giấu tài sản và cũng đã liên hệ với bị cáo Bùi Đức T4 để tiêu thụ tài sản và cũng là người được hưởng lợi nhiều nhất nên có vai trò cao nhất trong vụ án.

[13] Đối với bị cáo Trần Văn Được H: Bị cáo Trần Văn Được H là người chuẩn bị công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, trực tiếp chở bị cáo Nguyễn Văn Q để bị cáo Q tấn công bị hại, là người phát hiện bị hại; bị cáo có tham gia vào quá trình tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, cũng là người được hưởng lợi từ việc phạm tội nên vai trò của bị cáo thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn Q nhưng cao hơn các bị cáo Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3.

[14] Đối với các bị cáo Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3: Các bị cáo là người giúp sức, thực hiện việc canh giới, tạo điều kiện cho đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo cũng không được hưởng lợi từ việc phạm tội nên vai trò của các bị cáo là thấp nhất.

[15] Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn Q có vai trò cao nhất trong vụ án nên phải chịu hình phạt cao nhất so với các bị cáo Trần Văn Được H, Lưu Văn T1 và Nguyễn Đức T3. Tại bản án số 18/2018/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 18 tháng về tội

"Trộm cắp tài sản" nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp với hình phạt lần phạm tội này, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Bị cáo Trần Văn Được H có vai trò cao hơn các bị cáo Nguyễn Đức T3 và Lưu Văn T1 nên phải chịu hình phạt thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn Q nhưng cao hơn các bị cáo Nguyễn Đức T3 và Lưu Văn T1. Các bị cáo Nguyễn Đức T3 và Lưu Văn T1 có vai trò ngang nhau và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nhau nhưng bị cáo Nguyễn Đức T3 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên bị cáo Nguyễn Đức T3 phải chịu mức hình phạt thấp hơn các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H nhưng cao hơn bị cáo Lưu Văn T1.

[16] Đối với bị cáo Bùi Đức T4: Bị cáo Bùi Đức T4 phạm tội mới trong thời gian thử thách nên cần áp dụng khoản 5 Điều 65 và Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại bản án số 76/2016/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2016 với hình phạt lần phạm tội này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án trước (từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 11 năm 2016) và thời gian tạm giữ lần này (từ ngày 26 tháng 02 năm 2018 đến ngày 07 tháng 3 năm 2018) được trừ vào thời gian chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung:

[17] Đối với tội "Cướp tài sản", theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ; đối với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến 30 triệu đồng. Xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[18] Cơ quan điều tra - Công an thành phố Hải Phòng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe moto Honda nhãn hiệu Airblade màu đỏ, trắng, đen và 01 ba lô cho bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[19] Đối với 01 bình xịt hơi cay, 01 cây giáo bằng kim loại, 01 biển kiểm soát xe moto 17B3 - 06583, sau khi gây án, các bị cáo đã vứt xuống sông, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

[20] Đối với chiếc xe moto Airblade biển kiểm soát 16M8-3499, tài liệu điều tra thể hiện chiếc xe trên là của ông Nguyễn Văn K (địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng) cho Nguyễn Văn Q mượn nhưng không biết Q sử dụng vào việc cướp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

[21] Đối với 01 xe moto nhãn hiệu Exciter được H sử dụng để đi cướp tài sản và những chiếc điện thoại của Q, H, T4 sử dụng để liên lạc trong quá trình thực hiện tội phạm hiện không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự:

[22] Bị hại Chu Văn D không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét. Người có quyền lợi liên quan anh Hoàng Việt Đ không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền anh đã bỏ ra để mua xe; xét thấy quan điểm của người có quyền lợi liên quan đưa ra là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận nhưng đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Văn Được H nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về những vấn đề khác:

[23] Đối với Hoàng Văn M3, Công an đã nhiều lần triệu tập nhưng M3 hiện không có mặt tại địa phương, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định M3 có biết rõ tài sản do Q phạm tội mà có hay không nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[15] Đối với anh Hoàng Việt Đ là người đã mua tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nhưng khi mua không biết nguồn gốc tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý.

[16] Đối với người phụ nữ cao tuổi cho bị cáo Nguyễn Văn Q ngủ nhờ sau khi cướp được xe, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý sau.

- Về án phí:

[18] Theo quy định của pháp luật các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 10 (mười) năm tù về tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, tổng hợp với hình phạt 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 18/2018/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Văn Q tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của

Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Được H 09 (chín) năm tù về tội: “ Cướp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo Trần Văn Được H tính từ ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T3 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “ Cướp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Đức T3 tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn T1 08 (tám) năm tù về tội: “ Cướp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo Lưu Văn T1 tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Đức T4 18 (mười tám) tháng tù về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, tổng hợp với hình phạt 12 tháng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại bản án số 76/2016/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện A buộc bị cáo Bùi Đức T4 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Bùi Đức T4 tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 11 năm 2016 và từ ngày 26 tháng 02 năm 2018 đến ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp khoản tiền thu lợi bất chính 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Văn Được H phải nộp khoản tiền thu lợi bất chính 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

2/ Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Được H, Lưu Văn T1, Nguyễn Đức T3 và Bùi Đức T4 mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt khi tuyên án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP;  
Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Duy Thạch**